

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2020/HS-ST**
Ngày 18/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Hoàng Ân**

2/ Ông **Nhâm Đức Hùng**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020, về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T; sinh năm 1991 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp PN, xã MT B, CT-KG; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới T1: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1955 và bà Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1961; Tiền sự: Không.

Tiền án có 01 tiền án: Vào ngày 26/4/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân Tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tại bản án hình sự phúc thẩm số: 260/2011/HS-PT ngày 26/04/2011.

Ngoài ra, vào ngày 29/9/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 09 tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Đến ngày 10/11/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/6/2020 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh **Trần Minh T1**, sinh năm 2000 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: ấp PC, xã MT B, CT-KG

Người có quyền lợi liên quan: Ông **Lê Hồng T2**, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp PC, xã MT B, CT-KG

Người làm chứng:

1/ Ông **Trác Cẩm H**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

2/ Bà **Lò Thị B**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp PN, xã MT B, CT-KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Lê Thu N, sinh năm 1972 và Lê Trường V, sinh năm 1996 cùng cư trú ấp PC, xã MT B, CT-KG (V con bà N), có nợ tiền của Trương Văn H1, sinh năm 1982, cư trú ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Nên vào khoảng tháng 4 năm 2020 H1 có nói với Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991 cư trú ấp PN, xã MT B, CT-KG khi nào có gặp N và V thì báo cho H1 biết.

Vào ngày 09 tháng 4 năm 2020, vợ, chồng ông Lê Văn T2 (T2 là chồng N) đi công việc và giao nhà cho V trông coi. Chiều cùng ngày, V đi xin việc làm nên có nhờ Trần Minh T1, sinh năm 2000 cư trú cùng ấp trông giữ nhà thay V thì T1 đồng ý. Lúc này T1 ở trong nhà của V và khóa cửa lại. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T một mình chạy xe mô tô (xe không loại và biển số kiểm soát) đến trước nhà của ông T2 kêu cửa nhưng T1 sợ không dám mở cửa. T biết có người trong nhà nên dùng chân đạp vào cửa làm thanh kim loại của cửa bị cong và hư hỏng, đồng thời T nói không mở cửa thì T sẽ phá cửa xông vào. Lúc này, T1 sợ T phá cửa nên T1 nói “*anh T hả không có anh V ở nhà*” nhưng T vẫn kêu T1 mở cửa. Khi vào nhà T đi xung quanh tìm V nhưng không gặp nên T vào phòng nhà V lấy 02 cái Loa nhãn hiệu PARAMAX đem ra xe chở đi, do T1 sợ T là đối tượng có nhiều tiền án và sợ bị T đánh nên không dám ngăn cản mà đợi sau khi T đi thì T1 điện thoại báo cho V biết.

Sau khi lấy được 02 cái Loa trên T chở đến nhà bà Lò Thị B, sinh năm 1970, cư trú: ấp PN, xã MT B, CT-KG kêu bán nhưng bà B không mua. Lúc này, T chở

đến nhà ông Trác Cẩm H, sinh năm 1978, ở cùng ấp để gửi 2 cái loa tại đây thì ông H đồng ý (ông H không biết đây là tài sản mà T cưỡng đoạt mà có). Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, T điện thoại cho ông H nói T không có xe và nhờ anh H chở 02 cái Loa trên đến Ủy ban nhân dân phường Rạch Sỏi để đưa cho T. Khi anh H chở 02 cái loa đi ngang Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thì ông Lê Hồng T2 nhìn thấy nên chạy theo. Khi đến gần Ủy ban nhân dân phường Rạch Sỏi ông T2 thấy ông H đang đưa loa cho T nên ông T2 truy hô thì T chở theo 01 cái loa bỏ chạy, để lại 01 cái loa, ông T2 đến xem thì xác định đúng là cái loa của gia đình ông nên trình báo Cơ quan Công an.

Đến 09 giờ, ngày 10 tháng 4 năm 2020 T nhờ anh trai của T tên Phương đem chiếc loa còn lại đến trả lại cho ông T2 và bỏ trốn. Ông T2 sau đó đem chiếc loa trên giao nộp cho Cơ quan công an.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành tiến hành mời T về làm việc. Tại Cơ quan điều tra T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐTĐGTS ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận: 02 cái loa nhãn hiệu PARAMAX F-1000, IMPEDANCE 6 0HMS, SENSITIVITY (1W/1M), Max. INPUT POWER 320 WATTS có giá trị tại thời điểm tháng 4 năm 2020 là 8.996.400 đồng (Tám triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, về hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu tài sản là ông Lê Hồng T2 02 cái Loa nhãn hiệu PARAMAX F-1000, IMPEDANCE 6 0HMS, SENSITIVITY (1W/1M), Max. INPUT POWER 320 WATTS.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra người bị hại anh Trần Minh T1 và người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hồng T2 đã nH1 lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với hành vi của ông Trác Cẩm H, ông H có cho T để nhờ chiếc Loa và chở Loa đến cho T. Quá trình điều tra đã chứng minh ông H không biết hai chiếc

loa trên là do T cưỡng đoạt mà có. T cũng khẳng định không nói cho ông H biết về nguồn gốc của hai chiếc loa. Vì vậy không xử lý đối với ông H về hành vi trên.

Đối với hành vi của anh Trương Văn H1, anh H1 chỉ nói với T khi nào gặp V báo cho anh H1 biết, anh H1 không kêu T đi đến nhà V để cưỡng đoạt tài sản, T cũng thừa nhận anh H1 không có kêu T đi lấy tài sản. Vì vậy không xử lý hình sự đối với anh H1 là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số: 67/CT-VKS-CT ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố Nguyễn Ngọc T về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T** từ 18 đến 24 tháng tù.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHỊ ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Do biết được anh Lê Trường V có thiếu tiền của anh Trương Văn H1 nên vào khoảng 15 giờ, ngày 09/4/2020 Nguyễn Ngọc T điều khiển xe mô tô đi đến nhà của anh V trú

tại ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để đòi tiền. Nhưng khi đến nơi thì thấy nhà anh V đóng cửa, T kêu cửa nhiều lần nhưng không ai mở, do biết có người trong nhà nên T dùng chân đập cửa và nói nếu không mở T sẽ phá cửa xông vào. Lúc này, anh Trần Minh T1 là người được anh V nhờ trông coi nhà dùm hoàn sợ liền ra mở cửa cho T. Sau khi vào nhà T tìm xung quanh nhưng không thấy anh V, T vào phòng ngủ của anh V thì nhìn thấy 02 cái loa nhãn hiệu PARAMAX F-1000 nên T lấy đem ra xe. Do biết T là đối tượng có nhiều tiền án, tiền sự nên anh T1 không dám ngăn cản mà để cho T điều khiển xe chở tài sản trên đem đi. Theo kết quả định giá tài sản thì cặp loa mà T chiếm đoạt có giá trị là 8.996.400 đồng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự thì “*Người nào đe dọa sẽ dùng V lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”. Đối chiếu với quy định trên thì hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” như đã viên dẫn như trên.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy vụ án. Bản thân bị cáo là người trưởng thành nên có đủ năng lực nH1 thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác khi chưa được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Mặc dù nH1 thức được hậu quả gây ra, thế nhưng khi biết được anh V có nợ anh H1 một số tiền chưa trả bị cáo lại tự ý đi đến nhà anh V để đòi tiền khi chưa được sự đồng ý của anh H1. Không dừng lại trong lúc đến nhà anh V bị cáo nhìn thấy cửa nhà đóng nhưng bị cáo vẫn cố ý đập cửa buộc anh T1 là người trông nhà cho anh V phải mở cửa nếu không bị cáo sẽ phá cửa xông vào. Do biết bị cáo là đối tượng có tiền án, tiền sự và xâm mình nên anh T1 phải miễn cưỡng mở cửa cho bị cáo và khi vào nhà bị cáo tìm xung quanh nhưng không thấy anh V, bị cáo liền lấy cặp loa PARAMAX F-1000 đem ra xe. Mặc dù được anh V nhờ trông coi nhà giúp nhưng khi chứng kiến việc bị cáo lấy tài sản từ trong nhà anh V đem đi anh T1 vẫn không dám kháng cự vì sợ bị đánh. Hành vi phạm tội của bị cáo không những trái pháp luật mà còn gây bất an lo sợ cho người bị hại cũng như người dân, gây dư luận xấu trong xã hội. HĐXX nghị án thảo luận cần có mức án nghiêm và cần tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho các trường hợp tương tự khác xảy ra.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Qua hồ sơ thể hiện vào năm 2011 và năm 2017 bản thân bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Đánh bạc”. Trong các tội trên thì tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị cáo vẫn chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới nên trong lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng thêm 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và tài sản đã thu hồi trao trả lại cho bị hại nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình là phù hợp.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện VKS tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nh1 để xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản đã được nh1 lại nên người bị hại anh Trần Minh T1 cũng như người có quyền lợi liên quan ông Lê Hồng T2 không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không có nên không xem xét.

[8] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc T 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được T1 kể từ ngày 15/6/2020.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nH1 được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nH1:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại và NLQ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong